

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Luật môi trường
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Law on environment
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học
1.4 Định hướng đào tạo:	ứng dụng
1.5 Mã học phần:	011334
1.6 Số tín chỉ:	2
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Kiến thức chuyên ngành
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	
- Lý thuyết:	15
- Nghiên cứu tình huống và thảo luận:	0
- Thực hành: + Thực hành tích hợp + Thực hành PM,DN	15
- Tự học:	70
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Luật/Khoa Kinh tế - Luật
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Lý luận chung Nhà nước và pháp luật
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Pháp luật về môi trường là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, gồm những nội dung cơ bản như sau: pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; pháp luật về sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn di sản; các hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường; những kiến thức cơ bản về vấn đề môi trường toàn cầu; những quyền lợi và trách nhiệm của Việt Nam đối với thế giới trong lĩnh vực môi trường.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

3.1 Mục tiêu chung

Học phần giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cốt lõi về Luật Môi trường Việt Nam và Luật Quốc tế về môi trường, áp dụng các quy định của pháp luật về môi trường trong nghiên cứu và thực tiễn cuộc sống, lao động, sản xuất, kinh doanh.

3.2 Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức

- Tổng hợp những nội dung liên quan đến pháp luật về môi trường tại Việt Nam;
- Trình bày được kiến thức cơ bản tại các điều ước quốc tế liên quan đến môi trường mà Việt Nam là thành viên hoặc thừa nhận.

Về kỹ năng

- Phân tích các vấn đề pháp lý liên quan đến pháp luật về môi trường;
- Phân tích, đánh giá, nhận diện hành vi vi phạm pháp luật trên lĩnh vực môi trường và hướng xử lý.
- Kỹ năng học tập chủ động, sáng tạo

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm

- Trách nhiệm đối với việc học tập, làm việc nhóm;
- Tôn trọng pháp luật;
- Nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học và đánh giá các vấn đề lý luận, thực tiễn về giải quyết các tình huống liên quan pháp luật về môi trường.
- Nâng cao ý thức vận dụng các kiến thức đã học, tích cực, chủ động tìm hiểu quy định pháp luật mới nhằm phục vụ công tác của mình.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu	Nội dung
CLO1	Trình bày các khái niệm cơ bản trong pháp luật về môi trường
CLO2	Phân tích được đặc điểm pháp lý của các hoạt động quản lý môi trường
CLO3	Lựa chọn cách áp dụng phù hợp trong mỗi tình huống phát sinh liên quan đến vấn đề về môi trường
CLO4	Giải quyết các tình huống vi phạm pháp luật về môi trường
CLO5	Kỹ năng phân tích các vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực môi trường
CLO6	Kỹ năng thuyết trình và kỹ năng phân tích, đánh giá các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường
CLO7	Kỹ năng tranh luận, phản biện các vấn đề pháp lý về môi trường
CLO8	Tham gia các buổi học đầy đủ, nghiêm túc
CLO9	Trách nhiệm cao đối với việc học tập, làm việc nhóm

CLO10	Tôn trọng pháp luật
CLO11	Nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học và đánh giá các vấn đề lý luận, thực tiễn về giải quyết các tình huống liên quan pháp luật về môi trường

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1			I							
CLO 2			R							
CLO 3			R							
CLO 4			M							
CLO 5							I			
CLO6							R			
CLO7							M			
CLO8									I	
CLO9									R	
CLO10									R	
CLO11									M	
Tổng hợp học phần			M				M		M	

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

[illegible]

			tích hợp	huống và thảo luận	PM, PMP, DN				
Tuần 1: Từ: Đến...	CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LUẬT MÔI TRƯỜNG <i>1.1 Môi trường và hiện trạng môi trường</i> <i>1.2 Bảo vệ môi trường</i> <i>1.3 Luật môi trường</i> <i>1.4 Nguồn và các nguyên tắc của Luật môi trường</i>	4	1	0	0	13	GV: Thuyết giảng SV: nghe giảng, ghi chép những nội dung cần thiết, trao đổi, thảo luận	Đọc giáo trình [1] và các văn bản pháp luật liên quan Câu hỏi thảo luận: 1. Tại sao vấn đề môi trường nhận được sự quan tâm của nhiều quốc gia trên thế giới? 2. Phạm vi điều chỉnh các vấn đề về môi trường của pháp luật Việt Nam là những gì?	
Tuần 2: Từ: Đến...	CHƯƠNG 2: KIỂM SOÁT Ô NHIỄM, SUY THOÁI VÀ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG <i>2.1 Khái niệm</i> <i>2.2 Một số nội dung cơ bản về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường</i>	3	2	0	0	14	GV: Thuyết giảng SV: nghe giảng, ghi chép những nội dung cần thiết, trao đổi,	Đọc giáo trình [1] và các văn bản liên quan Câu hỏi thảo luận: 1. Quản lý nhà nước về hoạt động kiểm soát ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường tại	

							thảo luận	các cơ sở kinh doanh như thế nào? 2 Đánh giá sự hiệu quả thật sự của những quy định pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường tại các cơ sở kinh doanh?	
Tuần 3: Từ: Đến...	Chương 3: PHÁP LUẬT VỀ ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG <i>3.1 Pháp luật về quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường</i> <i>3.2 Pháp luật về đánh giá tác động môi trường (ĐTM)</i>	3	2	0	0	13	Sinh viên chuẩn bị tài liệu, thảo luận và giải quyết tình huống theo hướng dẫn của Giảng viên	Đọc giáo trình chương [1] và các văn bản pháp luật liên quan. Câu hỏi thảo luận: Tại sao cần có hoạt động đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư hoạt động tại Việt Nam?	
Tuần 4: Từ: Đến...	Chương 4: PHÁP LUẬT VỀ TÀI NGUYÊN	2	3	0	0	14	GV: Thuyết giảng SV: nghe	Đọc giáo trình [1] và các văn bản pháp luật liên quan.	

	THIÊN NHIÊN 4.1 Khái quát về tài nguyên thiên nhiên 4.2 Pháp luật về các nguồn tài nguyên thiên nhiên						giảng, ghi chép những nội dung cần thiết, trao đổi, thảo luận		
Tuần 5: Từ: Đến...	Chương 5: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP MÔI TRƯỜNG 5.1 Tranh chấp môi trường 5.2 Cơ chế giải quyết tranh chấp môi trường	2	3	0	0	13	GV: Thuyết giảng SV: nghe giảng, ghi chép những nội dung cần thiết, trao đổi, thảo luận	Đọc giáo trình [1] và các văn bản pháp luật liên quan. Câu hỏi thảo luận: 1. Những dấu hiệu đặc trưng của tranh chấp môi trường? 2. Những nguyên tắc cơ bản trong giải quyết tranh chấp môi trường?	
Tuần 6: Từ: Đến...	CHƯƠNG 6: THỰC THI CÁC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM Ở VIỆT NAM 5.1 Vai trò của các công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm	3	2	0	0	13	GV: Thuyết giảng SV: nghe giảng, ghi chép những nội dung cần thiết, trao đổi,	Đọc giáo trình [1] và các văn bản pháp luật liên quan. Câu hỏi thảo luận: Đánh giá mức độ thực thi trong các chính sách pháp luật Việt Nam	

	5.2 Quyền và nghĩa vụ của Việt Nam trong các công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm 5.3 Thực trạng thực thi nghĩa vụ trong các công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm cơ bản ở Việt Nam						thảo luận	đối với các công ước quốc tế về môi trường?	
Tổng		15	15	0	0	70			

6. HỌC LIỆU:

6.1 Tài liệu chính:

[1] Lê Hồng Hạnh, Vũ Thu Hạnh (2019), *Giáo trình Luật môi trường* NXB. Công an nhân dân

6.2 Tài liệu tham khảo:

[2] Nguyễn Hồng Thao, Nguyễn Xuân Sơn (2020), *Giáo trình Luật quốc tế về môi trường*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội

[3] Nguyễn Mạnh Khải (2020), *Giáo trình Giáo trình pháp luật và chính sách môi trường*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội

6.3 Văn bản pháp luật:

[4] Luật bảo vệ môi trường 2014.

[5] Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật 2006.

[6] Luật thủy sản 2017

[7] Luật khoáng sản 2010

[8] Luật tài nguyên nước 2012

[9] Luật lâm nghiệp 2017

[10] Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn, thi hành các văn bản trên

[11] Các công ước quốc tế về môi trường mà Việt Nam là thành viên hoặc thừa nhận

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Điểm chuyên cần và tham gia thảo luận/trả lời trên lớp: Đánh giá mức độ chuyên cần tham gia các buổi học trên lớp, tham gia thảo luận, trả lời câu hỏi, phát vấn	- Đánh giá thái độ tích cực của sinh viên đối với môn học. - Đánh năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm cá nhân, tự định hướng hoạt động chuyên môn nghề nghiệp	CLO9 CLO10	10%
2	Thảo luận nhóm: - GV sẽ đưa ra các tình huống thực tế hoặc giả định, SV tiến hành thảo luận theo nhóm. Mỗi nhóm sẽ cử một đại diện trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình, GV hoặc các nhóm khác sẽ đặt câu hỏi hoặc phản biện, nhóm lập luận để bảo vệ quan điểm của mình. - Tranh luận về các vấn đề cho trước	- Đánh giá mức độ tiếp thu và vận dụng kiến thức của SV để giải thích các vấn đề liên quan đến pháp luật về môi trường. - Đánh giá được khả năng vận dụng được các kiến thức kinh tế vĩ mô nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực này. - Đánh giá được kỹ năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, kỹ năng nói trước đám đông, kỹ năng làm việc nhóm của SV.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO9 CLO10 CLO11	20%
3	Bài tập thuyết trình: Tùy vào sĩ số lớp, GV sẽ chia thành các nhóm, mỗi nhóm từ 5-7 SV. Mỗi nhóm sẽ được giao một đề tài cụ thể trong phạm vi môn học. Đến chủ đề của nhóm nào, nhóm đó sẽ lên trình bày trước lớp bằng file power point. Mỗi nhóm sẽ có 20 phút để thuyết trình và 10 phút tương tác, phản biện trước lớp học. GV sẽ có bảng điểm đánh giá chung của nhóm và đánh giá	- Đánh giá tinh thần chủ động, tích cực của sinh viên trong việc tìm kiếm thông tin, kiến thức liên quan đến học phần. - Đánh giá kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ứng dụng công nghệ và vận dụng các công cụ hỗ trợ để chuyển tải nội dung môn học. - Đánh giá được tri thức của sinh viên thông qua quá trình chuẩn bị, các kỹ năng chuyên môn và tổ chức cá nhân được phối hợp.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11	10%

	từng cá nhân tham gia nhóm.			
4	Kiểm tra tự luận giữa kỳ: Kiểm tra giữa kì 30-45 phút bằng hình thức nhận định, bài tập tình huống nội dung từ chương 1 đến chương 4.	- Đánh giá khả năng ghi nhớ và vận dụng các vấn đề pháp lý đã học. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết từng tình huống cụ thể. - Đánh giá khả năng phân tích, tư duy và biện luận. - Đánh giá khả năng tư duy hệ thống, giải quyết các vấn đề thực tế được đưa ra trong bài kiểm tra.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11	60%
TỔNG				100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
BÀI THI TỰ LUẬN: gồm 2 phần nhận định và tình huống - Bài thi 60 phút - Bao gồm 06 câu hỏi nhận định (đúng/sai và giải thích) và bài tập tình huống (có thể có 1 hoặc nhiều câu hỏi nhỏ) - Nội dung đề thi là một trong những nội dung đã học, nhằm vận dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống liên quan đến pháp luật về môi trường	Đánh giá về kiến thức: - Đánh giá khả năng ghi nhớ và vận dụng các vấn đề pháp lý. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết từng tình huống, nhận định cụ thể.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	40%
	Đánh giá về kỹ năng: - Đánh giá khả năng phân tích, lập luận để giải quyết tình huống. - Đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp được các kiến thức đã học để giải quyết tình huống (có thể bao hàm các kiến thức của các học phần trước có liên quan) - - Đánh giá khả năng tư duy, phân tích, phản biện để bảo vệ được quan điểm cá nhân.	CLO5 CLO7	50%
	Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: - Đánh giá tính tích cực, chủ động tiếp thu kiến thức và kỹ năng được	CLO9 CLO10 CLO11	10%

	học; có khả năng vận dụng những kiến thức đã học một cách linh hoạt trong từng tình huống thực tiễn.		
Tổng			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên vào lớp đúng giờ, tham dự đầy đủ các buổi học, tham dự thảo luận, phản biện nhóm và các hoạt động học tập khác của học phần.

8.2 Quy định về hành vi lớp học

- Sinh viên tham gia lớp học với tinh thần nghiêm túc, cầu thị.
- Sinh viên không làm việc riêng trong thời gian lên lớp, chỉ sử dụng các thiết bị phụ vụ cho nội dung học và hoạt động tương ứng trong từng buổi học.

8.3 Quy định về học vụ

- Sinh viên vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần.
- Thành viên nhóm thuyết trình không được vắng, nếu vắng sẽ được làm bài kiểm tra thay thế.
- Sinh viên không tham gia bài kiểm tra giữa kỳ mà không có lý do chính đáng thì bị điểm 0 bài kiểm tra này
- Các bài tập nhóm, cá nhân phải tuân thủ theo mẫu và thời hạn nộp theo quy định của giảng viên.
- Sinh viên không tham dự kỳ thi cuối kỳ xem như không hoàn thành học phần

9. HOLISTIC RUBRIC

9.1. Rubric đánh giá chuyên cần và tham gia thảo luận/trả lời trên lớp

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Số buổi dự học (đủ tiết/buổi) theo thời khóa biểu	CLO9	50%	Tham dự < 70% số buổi học	Tham dự từ 70% đến < 80% số buổi học	Tham dự từ 80% đến < 90% số buổi học	Tham dự từ 90% số buổi học trở lên.
Sự chủ động, tích cực tham gia thảo luận/trả lời câu hỏi	CLO10	50%	Không tham gia thảo luận/trả lời đúng dưới 50% các câu hỏi về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% các câu hỏi về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% các câu hỏi về nội dung bài học.	Nhiệt tình tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 85% đến 100% các câu hỏi về nội dung bài học.

9.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân, kiểm tra giữa kỳ hoặc kiểm tra cuối kỳ (tự luận)

Tiêu chí	CĐR	Cấu trúc điểm thành phần	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Mức cơ bản	CLO1 CLO2 (CLO5) (CLO8) CLO9	60%	Trả lời đúng dưới 50% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% nội dung yêu cầu trong bài thi.
Mức nâng cao	CLO3 CLO4 CLO6 CLO7 CLO10 CLO11	40%				

9.3. Rubric đánh giá hoạt động thảo luận nhóm (hoặc thuyết trình)

Tiêu chí	CĐR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Tổ chức và phối hợp tham gia thực hiện của các thành viên trong nhóm	CLO8 CLO9 CLO10 CLO11	15%	< 40% số lượng thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	Từ 40% đến 60% số lượng thành viên trở lên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	Từ 60% đến 80% số lượng thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	Từ 80% đến 100% thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm
Hình thức bài báo cáo kết quả làm việc nhóm	CLO5 CLO6	10%	Sơ sài, không đầy đủ các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), font chữ không đồng bộ, nhiều lỗi chính tả.	Các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) chưa rõ, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đầy đủ các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) rõ ràng, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đẹp, rõ ràng các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), không lỗi chính tả
Kỹ năng trình bày trước đám đông	CLO5 CLO6 CLO7	15%	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu với người nghe	Nói nhỏ, có giao lưu với người nghe, nhưng không tự tin.	Trình bày rõ ràng ở mức tốt, có phong cách tự tin khi giao lưu nhưng chưa xuất sắc.	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu với người nghe.

Tương tác/trả lời câu hỏi	CLO5 CLO6 CLO7	30%	Trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% số câu hỏi được đặt ra.
Nội dung Bài báo cáo kết quả làm việc nhóm	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	30%	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 80% đến 100% yêu cầu về nội dung.

9.4 Bảng Rubric đánh giá kết quả chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra môn học	Tỷ lệ	Mới bắt đầu	Biết sơ sài	Hiểu sơ bộ	Hiểu căn kẽ	Hiểu sâu
		0 - 3.4	3.5 - 4.9	5.0 - 6.9	7.0-8.4	8.5-10
CLO1	10%	Mới thu nhận được một số ít thông tin mang tính rời rạc	Mới thiết lập được sự liên hệ giữa một số ít thông tin được thu nhận	Hiểu được các thông tin cơ bản và thiết lập được mối liên hệ sơ lược giữa chúng	Hiểu khá đầy đủ các thông tin cần thiết và thiết lập được mối liên hệ giữa chúng	Hiểu đầy đủ các thông tin cần thiết. Có thể khái quát hóa các thông tin thu nhận, đánh giá và vận dụng chúng vào các tình huống khác nhau, hoặc sáng tạo ra cái mới
CLO2	10%					
CLO3	10%					
CLO4	10%					
CLO5	10%					
CLO6	10%					
CLO7	10%					
CLO8	10%					
CLO9	5%					
CLO10	5%					
CLO11	10%					
Tổng điểm	100%					

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

P. Hiệu trưởng ✓

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Vanh

Phuoc
Đỗ Ngọc Phước

Trần Thị Hồng Hà

Ts. Nguyễn Văn Thiên